

Chương SDSS

Chương Nội tiết

TK

Da Cơ xương khớp

Đây là bộ câu hỏi bổ sung cho bộ câu hỏi giữa kì, các em học cả hai bộ nhé.

Chương SDSS

1. Cấu trúc nào sau đây không ghép đôi?

- A. túi tinh
- B. ống dẫn tinh
- C. tuyến hành niệu đạo
- D. tuyến tiền liệt**

2. Tế bào sinh tinh chưa biệt hóa được gọi là

- A. tinh nguyên bào.**
- B. tế bào sinh tinh sơ cấp.
- C. tế bào sinh tinh thứ cấp.
- D. tinh trùng.

3. Tế bào tinh trùng được lưu trữ chủ yếu ở

- A. ống dẫn tinh.
- b. Ống dẫn tinh.
- C. mào tinh hoàn.**
- D. túi tinh.

4. Sự trưởng thành cuối cùng của tế bào tinh trùng xảy ra ở

- A. mào tinh hoàn**
- B. ống sinh tinh
- C. tuyến tiền liệt.
- D. niệu đạo

5. Túi tinh sinh ra

- A. tế bào tinh trùng.
- B. testosterone.
- C. chất lỏng giàu fructose.**

D. estrogen.

6. Số lượng tinh trùng bình thường trong một mililit tinh dịch là

A. khoảng 500.000

B. ít hơn 20.000.000

C. hơn 2.000.000.000.

đ. 75.000.000 đến 400.000.000

7. Nếu tinh hoàn không xuống được, nam giới bị vô sinh vì sự hình thành tế bào tinh trùng bị ngăn cản bởi

A. nhiệt độ bên trong cơ thể tương đối cao.

B. sản xuất quá nhiều estrogen.

C. thiếu testosterone.

D. Không có điều nào ở trên.

8. Hormon chịu trách nhiệm cho sự phát triển và duy trì các đặc điểm sinh dục thứ cấp của nam giới là

A. ICSH.

B. FSH.

C. testosteron.

D. hormone giải phóng gonadotropin.

9. Chức năng sinh sản của nam giới được điều khiển chủ yếu bởi các hormone từ vùng dưới đồi,

A. Tuyến yên sau và tuyến thượng thận.

B. Tuyến yên trước và tuyến thượng thận.

C. tuyến yên sau và tinh hoàn.

D. tuyến yên trước và tinh hoàn.

10. Tế bào kẽ của tinh hoàn sản xuất

A. tinh dịch

B. tế bào trứng

C. tế bào tinh trùng

D. androgen

11. Testosterone được sản xuất bởi

A. tinh trùng.

B. tế bào dinh dưỡng.

C. tế bào kẽ

D. vùng dưới đồi.

12. Việc duy trì các đặc điểm giới tính thứ cấp của nam giới là trách nhiệm trực tiếp của

A. oestrogen.

B. testosteron.

C. FSH.

D. progesteron.

13. Chức năng của FSH ở nam giới là

A. ức chế progesteron.

B. bắt đầu sản xuất testosterone.

C. tăng tổng hợp protein.

D. bắt đầu quá trình sinh tinh.

14. Ở nam giới, LH gây ra

A. Bắt đầu quá trình sinh tinh.

B. sự phát triển của các đặc điểm giới tính thứ cấp.

C. sản xuất testosteron.

D. xuất tinh.

15. Androgen chính là

A. ABP.

B. FSH.

C. testosteron.

D.HCG.

16. Cấu trúc của phụ nữ tương đồng với dương vật của nam giới là

A. âm đạo

B. âm vật

C. tiền đình

D. môi bé

17. Cấu trúc giống cái tương đồng với tinh hoàn là

A. buồng trứng.

B. tử cung.

C. âm đạo.

D. âm vật.

18. Tử cung nằm giữa

A. bàng quang tiết niệu và khớp mu

B. trực tràng và xương cùng

C. bàng quang và trực tràng

D. thận trong cùng một mặt phẳng ngang

19. Loại hormone thường được đo trong que thử thai là

A. oestrogen

B. progesteron

C. HCG

D. ADH

20. Hormon oxytocin hỗ trợ quá trình sinh nở bằng cách kích thích

A. chuyển động cơ bắp của thai nhi

B. co bóp thành tử cung

C. tăng tiết progesterone

D. tăng tiết estrogen

21. Các hormone chịu trách nhiệm chính trong việc duy trì thành tử cung trong 5-6 tháng cuối của thai kỳ là

A. FSH và LH

B. gonadotropin màng đệm ở người

C. lactogen nhau thai

D. estrogen và progesterone nhau thai

22. Trong chu kỳ kinh nguyệt, LH đạt mức cao nhất

A. trong thời kỳ kinh nguyệt

B. ngay trước khi rụng trứng

C. ngay sau khi rụng trứng

D. ngay trước khi kinh nguyệt bắt đầu

23. Trong chu kỳ kinh nguyệt, progesterone sẽ ở mức cao nhất

- A. trong thời kỳ kinh nguyệt
- B. ngay trước khi rụng trứng
- C. ngay sau khi rụng trứng

D. muộn trong giai đoạn sau rụng trứng

24. Trong chu kỳ kinh nguyệt, nội mạc tử cung dày nhất

- A. trong thời kỳ kinh nguyệt
- B. ngay trước khi rụng trứng
- C. ngay sau khi rụng trứng

D. muộn trong giai đoạn sau rụng trứng

25. Trong chu kỳ kinh nguyệt, progesterone được sản xuất bởi

- A. tế bào trứng thứ cấp.
- B. thể vàng.**
- C. mô đệm của buồng trứng.
- D. nang sơ cấp.

26. Một phần của hệ thống sinh sản nữ bị bong ra trong thời kỳ kinh nguyệt là

- A. nội mạc tử cung**
- B. niêm mạc âm đạo
- C. tunica albuginea
- D. tầng chức năng của nội mạc tử cung

27. Chức năng chính của progesterone trong chu kỳ kinh nguyệt là

- A. bắt đầu rụng trứng
- B. bắt đầu kinh nguyệt
- C. làm dày nội mạc tử cung**
- D. sửa chữa bề mặt buồng trứng sau khi rụng trứng

28. TẤT CẢ những điều sau đây là chức năng của estrogen TRỪ

- A. giúp kiểm soát cân bằng chất lỏng và điện giải
- B. thúc đẩy quá trình đồng hóa protein
- C. Giúp điều hòa bài tiết FSH
- D. tăng cholesterol trong máu**

29. Nếu sự thụ tinh không xảy ra thì thể vàng

- A. bị tổng vào khoang chậu.
- B. bắt đầu tiết ra lượng FSH thấp.
- C. thoái hóa thành thể bạch tạng.
- D. tiếp tục tiết progesterone cho đến lần rụng trứng tiếp theo.

30. Sau khi rụng trứng, tế bào trứng của con người có thể tồn tại khoảng

- A. 1 giờ
- B. 12 giờ
- C. 24 giờ
- D. 72 giờ

31. Vào thời điểm rụng trứng, tuyến yên trước sẽ tiết ra một lượng tương đối lớn

- A. estrogen
- B. progesteron
- C. LH
- D. androgen

32. Hormon chịu trách nhiệm chính cho sự phát triển và duy trì các đặc tính sinh dục thứ cấp ở nữ giới là

- A. estrogen
- B. progesteron
- C. androgen
- D. hormone tạo hoàng thể

Chương Nội tiết

1. Cặp hormone nào đầu tiên làm tăng tiết hormone thứ hai?

- A) ACTH; cortisol
- B) FSH; aldosterone
- C) LH; insulin
- D) TSH; prolactin

2. Sự kiện nào sau đây có thể là kết quả của tổn thương hệ thống cửa vùng dưới đồi-tuyến yên?

- A) giảm bài tiết ADH (vasopressin)
- B) giảm tiết oxytocin
- C) giảm tiết hormone kích thích tuyến giáp

D) giảm tiết hormone tuyến cận giáp

3. Sự tiết nhiều hormone của tuyến yên trước được điều khiển bởi các hormone khác từ tuyến:

A) đảo tụy

B) tuyến giáp

C) vùng dưới đồi

D) tuyến thượng thận

4. Các tế bào tuyến yên trước gọi là động vật có vú (lactotropes) tiết ra

A) hormone vỏ thượng thận

B) hormone kích thích nang trứng

C) hormone tăng trưởng

D) prolactin

5. Phần nào sau đây bao gồm mô thần kinh và là sự phát triển của vùng dưới đồi?

a) Tuyến yên trước

B) vỏ thượng thận

C) tuyến ức

D) tuyến yên sau

6. Hồ yên là vị trí của tuyến nào?

A) tuyến ức

B) tuyến thượng thận

C) tuyến tùng

D) tuyến yên

7. Hormon nào cần thiết cho sự rụng trứng và hình thành thể vàng?

A) FSH

B) LH

C) TSH

D) PRL

8. Hormon ADH được sản xuất bởi các tế bào có cơ thể nằm trong ____, nhưng nó thực sự được giải phóng hoặc tiết ra trong ____.

A) tuyến yên trước; sau tuyến yên

B) vùng dưới đồi; Thùy trước tuyến yên

C) tuyến yên; vùng dưới đồi

D) vùng dưới đồi; sau tuyến yên

9. Nếu vùng dưới đồi không tiết ra GnRH thì hậu quả sẽ là

A) giảm tiết gonadotropin tuyến yên

B) tăng tiết gonadotropin tuyến yên

C) giảm tiết prolactin

D) tăng tiết oxytocin

10. Bệnh đái tháo nhạt là do

A) nồng độ insulin thấp

B) nồng độ glucagon thấp

C) thiếu bài tiết ADH

D) tăng sản xuất insulin

11. Tác dụng chính của hormone chống bài niệu, còn gọi là vasopressin, là làm

A) làm giảm nồng độ canxi trong máu.

B) thúc đẩy việc giữ nước của thận.

C) tăng tốc độ trao đổi chất.

D) kích thích co bóp cơ trơn tử cung trong quá trình sinh nở.

12. ADH được tiết ra để đáp ứng với

A) thừa nước

B) tăng thể tích dịch cơ thể

C) tăng áp suất thẩm thấu của dịch cơ thể

D) huyết áp cao

13. Loại hormone nào đôi khi được tiêm cho phụ nữ để kích thích (bắt đầu) chuyển dạ?

A) glucagon

B) prolactin

C) progesteron

D) oxytocin

14. Kích thích nào sẽ làm tăng tốc độ tiết hormone tăng trưởng?

A) lượng đường trong máu cao

B) nồng độ protein trong máu cao

C) giấc ngủ sâu

D) nồng độ somatostatin cao

15. Loại hormone nào được giải phóng để đáp ứng với nồng độ canxi trong máu cao?

A) insulin

B) cortisol

C) calcitonin

D) hormone tuyến cận giáp

16. Thiếu iốt trong chế độ ăn làm giảm sản xuất hormone nào?

A) androgen

B) prolactin

C) hormone tăng trưởng

D) hormone tuyến giáp

17. Chức năng của thyroglobulin là gì?

A) Đó là nơi sản xuất hormone tuyến giáp.

B) Nó kiểm soát nồng độ canxi trong máu.

C) Nó vận chuyển hormone tuyến giáp trong máu.

D) Nó lưu trữ lipid và carbohydrate.

18. Tuyến giáp nằm

A) vượt trội hơn thận

B) dưới vùng dưới đồi

C) Dưới thanh quản và trước khí quản

D) sau dạ dày

19. Tuyến nội tiết nào nằm ngay phía trên thận?

A) tinh hoàn

B) tuyến yên

C) tuyến cận giáp

D) tuyến thượng thận

20. Hậu quả của việc giảm tiết hormone tuyến giáp ở trẻ nhỏ là

A) chiều cao bình thường nhưng chậm phát triển trí tuệ

B) tầm vóc (chiều cao) rất thấp nhưng não phát triển bình thường

C) sự phát triển xương bất thường và tổn thương não không thể phục hồi

D) tốc độ trao đổi chất thấp, nhạy cảm với lạnh, sung mô

21. Tác nhân kích thích giải phóng PTH là

A) nồng độ canxi trong máu cao.

b) Nồng độ canxi trong máu thấp.

C) PRH.

D) kích thích thần kinh từ vùng dưới đồi.

22. Tác dụng chính của T3 và T4 là

A) giải phóng calcitonin.

b) Kích thích sự phát triển của xương.

C) tăng cường trao đổi chất.

D) giảm lượng đường trong máu.

23. Loại hormone nào có liên quan chặt chẽ đến phản ứng của cơ thể với stress?

A) testosterone

B) cortisol

C) insulin

D) melatonin

24. Tác dụng chính của Mineralocorticoid là

A) giảm nồng độ natri trong máu

B) sản xuất nước tiểu loãng

C) sản xuất nước tiểu cô đặc

D) tăng nồng độ kali trong máu

25. Tác nhân kích thích chính để giải phóng cortisol là

A) kích thích thần kinh từ vùng dưới đồi

B) ACTH

C) tăng lượng đường trong máu

D) tăng nồng độ natri trong máu

26. Loại hormone nào sau đây KHÔNG được tuyến tụy tiết ra?

A) glucagon

B) glucocorticoid

C) insulin

D) somatostatin

27. Loại hormone nào sau đây kích thích quá trình phân hủy glycogen ở gan, tạo mới glucose và phân hủy chất béo?

A) insulin

B) hormone tuyến giáp

C) ACTH

D) glucagon

28. Nồng độ glucose trong máu thấp làm tăng bài tiết

A) insulin

B) thyrocalcitonin

C) hồng cầu

D) glucagon

29. Chất nào sau đây ức chế tiết insulin?

A) tăng đường huyết và somatostatin

B) hạ đường huyết và somatostatin

C) tăng canxi máu và tăng đường huyết

D) somatotropin

30. Các nhân kích thích giải phóng insulin là

A) giảm nồng độ glucose

B) tăng nồng độ glucose

C) Sự tiết hormone từ tuyến yên

D) kích thích thần kinh từ tuyến yên

Chương thần kinh

1. So với hệ thần kinh thân, hệ thần kinh tự chủ tiết ra

A) chỉ có axetylcholin

B) chỉ norepinephrine

C) acetylcholine hoặc norepinephrine

D) acetylcholine hoặc dopamin

2. Đám rối cánh tay được cấu tạo từ các dây thần kinh sống nào?

A) C1-C4

B) C1-T1

C) C5-T1

D) T12-S5

3. Dây thần kinh nào sau đây xuất phát từ đám rối cánh tay và chi phối tất cả các cơ duỗi của chi trên?

A) dây thần kinh nách

b) dây thần kinh giữa

C) dây thần kinh quay

D) dây thần kinh trụ

4. Sự chèn ép dây thần kinh nào phát sinh từ đám rối cánh tay dẫn đến tê, ngứa ran và đau ở các ngón tay, tình trạng này gọi là hội chứng ống cổ tay?

A) dây thần kinh nách

B) dây thần kinh quay

C) dây thần kinh giữa

D) dây thần kinh cơ da

5. Dây thần kinh nào phát sinh từ đám rối thắt lưng cùng là dây thần kinh ngoại biên lớn nhất cơ thể?

A) xương đùi

B) dây thần kinh ngồi

C) Dây thần kinh bịt

D) dây thần kinh lười

6. Bộ phận nào sau đây KHÔNG phải là bộ phận của hệ thần kinh ngoại biên?

A) dây thần kinh sọ não

B) hạch

C) tủy sống

D) Dây thần kinh cột sống

7. Khi màng tế bào thần kinh thay đổi từ dương bên trong sang âm bên trong, màng tế bào đang trải qua

A) khử cực.

B) tái phân cực.

C) cơn co cứng.

D) tái phân cực quá độ

8. Bệnh Parkinson có liên quan đến việc giảm bài tiết chất dẫn truyền thần kinh nào?

A) axetylcholin

B) dopamin

C) epinephrin

D) serotonin

9. Sự giải phóng chất dẫn truyền thần kinh nào dẫn đến sự kích thích và co bóp của cơ xương?

A) axetylcholin

B) epinephrin

C) glutamat

D) serotonin

10. Tập hợp các thân tế bào thần kinh bên ngoài hệ thần kinh trung ương được gọi là

A) hạch.

B) thần kinh.

C) dây thần kinh.

D) hạt nhân.

E) các tuyến.

11. Trong tế bào thần kinh, nhân và chất nhiễm sắc nằm ở

A) sợi trục.

B) đuôi gai.

C) Thân tế bào thần kinh.

D) các đầu tận cùng thần kinh

E) sợi trục phụ.

12. Giai đoạn khử cực của điện thế hoạt động bắt đầu khi

A) Ion Na^+ di chuyển vào trong tế bào.

B) Ion K^+ di chuyển vào trong tế bào.

C) Ion Na^+ di chuyển ra khỏi tế bào.

D) Ion K^+ di chuyển ra khỏi tế bào.

E) cả a và b

13. Pha tái cực của điện thế hoạt động xảy ra do

- A) kênh ion Na^+ có điện thế mở.
- B) kênh ion K^+ có điện thế mở.
- C) Các kênh ion Na^+ có điện thế đóng lại.
- D) Các kênh ion K^+ có điện thế đóng lại.

E) cả b và c

14. Một kích thích vừa đủ mạnh để tạo ra một điện thế hoạt động duy nhất là

- A) kích thích tối đa.
- B) kích thích dưới ngưỡng.
- C) kích thích cực đại.

D) ngưỡng kích thích.

15. Lớp chất xám bên ngoài của não được gọi là

- A) vỏ não.**
- B) hạch.
- C) bó.
- D) hạt nhân.
- E) quanh dây thần kinh.

Dạ Cơ xương khớp

1. Trong số các cơ sau đây của đầu, cơ nào bao quanh viên ngoài của hốc mắt?

- A) viêm mũi
- B) tạm thời
- C) cơ vòng mắt**
- D) máy cấn

2. Trong số các cơ sau đây ở đầu, cơ nào giúp cho việc nhai?

- A) viêm mũi
- B) tạm thời
- C) cơ vòng mắt
- D) máy cấn**

3. Trong các cơ sau đây ở đầu, cơ nào nằm ở mũi?

- A) orbicularis oris
- B) viêm mũi**

C) trán

D) cơ gò má lớn

4. Cơ nào sau đây của cổ có thể uốn cong cổ sang một bên?

A) vảy

B) cơ ức đòn chũm

C) viêm đầu lách

D) bán gai

5. Trong các cơ lưng sau, cơ nào lớn nhất?

A) hình thang?

B) hình thoi lớn và nhỏ

C) cơ dưới gai

D) teres chính

6. Cơ nào sau đây duỗi căng tay và bám vào xương trụ?

A) cơ delta

B) bắp tay cánh tay

C) cơ tam đầu cánh tay

D) cánh tay

7. Trong số các cơ sau đây của đùi, cơ nào KHÔNG kéo chân về phía trước?

A) bắp tay đùi

B) cơ thẳng đùi

C) cơ rộng bên

D) vùng giữa rộng

8. Có bao nhiêu đốt sống cổ?

A) 5

B) 7

C) 12

D) 15

9. Có bao nhiêu đốt sống ngực?

A) 5

B) 7

C) 12

D) 15

10. Có bao nhiêu cặp xương sườn đốt sống?

A) 12

B) 5

C) 3

D) 2

11. Một ngón tay cái có bao nhiêu đốt?

A) 1

B) 2

C) 3

D) 4

12. Có bao nhiêu xương cổ chân trong một bàn chân?

A) 4

B) 6

C) 7

D) 10

13. Một ngón chân cái có bao nhiêu đốt?

A) 1

B) 2

C) 3

D) 4

14. Trong các loại chuyển động hai khớp sau đây, loại nào là chuyển động xò các ngón tay?

A) gấp và duỗi

B) duỗi quá mức

C) dạng

D) khép

15. Tình trạng nào sau đây là bệnh trong đó tinh thể axit uric tích tụ trong khoang khớp và gây đau?

A) bệnh gút

- b) Viêm xương khớp
- C) bệnh thấp khớp
- đ) Viêm khớp dạng thấp

16. Chức năng nào sau đây liên quan đến da?

- A) sản xuất chất béo
- b) Sản xuất vitamin C
- C) điều hòa pH cơ thể
- D) Bảo vệ khỏi tia cực tím của mặt trời**

17. Lớp ngoài cùng của biểu mô trong da cứng lại do sự lắng đọng của một loại protein không thấm nước gọi là

- A) Actin
- B) chất sừng**
- C) sắc tố melamin
- D) mỡ

18. Lớp da nào gây ra sự hình thành “dấu vân tay”?

- A) Biểu bì
- B) Lớp nhú của lớp hạ bì**
- C) Lớp lưới của lớp hạ bì
- D) Lớp dưới da

19. Lớp dưới da là

- A) bao gồm mô liên kết lỏng lẻo và mô mỡ**
- B) cũng là một thuật ngữ khác cho da
- C) lớp cách nhiệt giúp bảo tồn nhiệt độ cơ thể
- D) nơi sản xuất mồ hôi

20. Mồ hôi chứa

- A) nước, muối và chất thải**
- B) bã nhờn
- C) chỉ có nước
- D) tế bào chết, urê và natri clorua

21. Tuyến nào sau đây không phải là tuyến da?

- A) tuyến bã nhờn

B) tuyến nước bọt

C) tuyến ráy tai

D) tuyến vú

22. Nguyên nhân nhiệt độ cơ thể tăng cao

A) đổ mồ hôi

B) các tiểu động mạch ở lớp hạ bì co lại

C) cơ pili co lại

D) sự gia tăng sừng hóa của da

23. Tiếp xúc với tia cực tím khiến da bị sạm màu do kích thích sản sinh

A) sắc tố melamin.

B) caroten.

C) huyết sắc tố.

D) xyanin.

24. Dây thần kinh nào sau đây không dẫn truyền cảm giác vị giác?

A) Dây thần kinh sinh ba (V)

B) Dây thần kinh mặt (VII)

C) Dây thần kinh thiệt hầu (IX)

D) Dây thần kinh phế vị (X)

25. Những thay đổi nào xảy ra khi cho hồng cầu vào dung dịch ưu trương?

A) hồng cầu nhận nước

B) hồng cầu mất nước và co lại

C) hồng cầu không tăng cũng không mất nước

D) nồng độ natri tăng trong tế bào